

Bài báo nghiên cứu

**ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO****Phạm Thị Hương^{1*}, Nguyễn Thị Phú Quý¹, Phạm Hồng Chương²**¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam²Trường Cao đẳng Kinh tế – Kỹ thuật Quảng Nam, Việt Nam*Tác giả liên hệ: Phạm Thị Hương – Email: huong.pham@ier.edu.vn

Ngày nhận bài: 07-01-2020; ngày nhận bài sửa: 11-3-2020; ngày duyệt đăng: 23-5-2021

TÓM TẮT

Khảo sát ý kiến sinh viên (SV) về chương trình đào tạo (CTĐT) đã trở thành hoạt động thường xuyên của các trường đại học nhằm thu thập ý kiến các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT. Bài báo trình bày kết quả khảo sát SV năm cuối tại 4 khoa chuyên môn của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM) về 8 khía cạnh liên quan đến CTĐT. Kết quả khảo sát cho thấy điểm mạnh của những chương trình này là chất lượng đội ngũ GV, tài liệu phục vụ CTĐT, cảnh quan môi trường của Trường, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của SV. Những điểm cần cải tiến bao gồm: hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho SV, sự phân bổ giữa lý thuyết và thực hành, độ tin cậy và giá trị của hoạt động kiểm tra đánh giá và cơ sở vật chất của Trường. Trên cơ sở kết quả khảo sát, bài báo đưa ra một vài khuyến nghị cho Trường và Khoa nhằm cải tiến chất lượng đào tạo.

Từ khóa: đảm bảo chất lượng; cải tiến chất lượng; đánh giá chương trình đào tạo; chương trình đào tạo; sinh viên năm cuối

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, theo yêu cầu của công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và kiểm định chất lượng, các trường đại học ở Việt Nam đã bắt đầu triển khai các hoạt động thu thập ý kiến của các bên liên quan trong giáo dục đại học nhằm xây dựng, điều chỉnh chính sách và cải tiến chất lượng các hoạt động của trường. Các bên liên quan được xác định trong các cơ sở giáo dục đại học bao gồm các bên liên quan bên trong và bên ngoài. Một vài bên liên quan bên ngoài bao gồm nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, hiệp hội nghề nghiệp và chính phủ. Các bên liên quan trong trường đại học có thể bao gồm giảng viên, sinh viên, cán bộ hỗ trợ và lãnh đạo các cấp. Quá trình thu thập ý kiến của các bên liên quan có thể thông qua nhiều hình thức khác nhau bao gồm phỏng vấn, tọa đàm, khảo sát bằng phiếu hỏi. Các nội dung lấy ý kiến cũng rất đa dạng, tùy vào mục tiêu của từng trường như đóng góp trong

Cite this article as: Phạm Thị Hương, Nguyễn Thị Phú Quý, & Phạm Hồng Chương (2021). Students' evaluation on the study programmes at Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(5), 936-951.

quá trình xây dựng chương trình đào tạo, quá trình đào tạo và đánh giá chất lượng đào tạo của trường. Sinh viên (SV) được xem là một trong những đối tượng chính nên được hỏi ý kiến và đóng góp cho tất cả các hoạt động của một trường đại học. Theo cách tiếp cận bảo đảm chất lượng liên tục, sinh viên có thể tham gia hội đồng trường, hiệp hội sinh viên cho đến đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng CTĐT, đánh giá các khóa học và tất cả các hoạt động mà họ tham gia tại trường. Trong phạm vi bài viết này, ý kiến đánh giá của SV năm thứ 4 về trải nghiệm của họ với gần như toàn bộ CTĐT sẽ được khảo sát. Đây được xem là kênh thông tin quý giá giúp các trường đại học có thể cải tiến liên tục CTĐT của mình nhằm đạt hiệu quả cao.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thuật ngữ chương trình đào tạo

Có rất nhiều thuật ngữ liên quan đến đánh giá trong giáo dục như đánh giá giáo dục, đánh giá giảng dạy, và đánh giá chương trình. Trước tiên, đối với thuật ngữ chương trình giáo dục (CTGD), có rất nhiều định nghĩa khác nhau về CTGD và định nghĩa CTGD luôn thay đổi theo thời gian vì những tác động của xã hội (Nguyen & Vu, 2015). Cho đến nay định nghĩa CTGD đã rộng hơn so với các định nghĩa trước đây, theo Nguyễn Đức Chinh và Vũ Lan Hương (2015), “CTGD là kế hoạch tổng thể, hệ thống về toàn bộ hoạt động giáo dục tại nhà trường. Nó bao gồm mục đích giáo dục, mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung giáo dục (với độ rộng và sâu tương ứng với chuẩn đầu ra), phương thức giáo dục và hình thức tổ chức giáo dục (với các phương pháp, phương tiện, công cụ dạy học phù hợp), phương thức đánh giá kết quả giáo dục (trong so sánh, đối chiếu với chuẩn đầu ra của chương trình” (Nguyen, & Vu, 2015, p.46). Theo định nghĩa của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (Bộ GD&ĐT), “Chương trình dạy học (curriculum) của một CTĐT ở một trình độ cụ thể bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần” (Ministry of Education and Training, 2015, p.3) và CTĐT của một ngành học (programme) ở một trình độ cụ thể bao gồm: “mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó” (Ministry of Education and Training, 2015, p.3).

2.2. Đánh giá chương trình đào tạo

Về đánh giá chương trình, có thể tạm xác định một cách tiếp cận về đánh giá chương trình giáo dục như sau: “Đánh giá chương trình giáo dục là một quá trình thu thập các cứ liệu để có thể quyết định, chấp thuận, sửa đổi hay loại bỏ chương trình giáo dục đó” (Orstein & Hunkins, 1998, p.320). Hay theo quan điểm của Oliva (2002), đánh giá giáo dục là thuật ngữ bao quát nhất bao gồm tất cả các loại đánh giá nằm trong phạm trù học đường từ chương trình giảng dạy, hoạt động giảng dạy đến cơ sở vật chất, quản trị, giám sát... Như vậy, theo

định nghĩa của Oliva (2002) thì đánh giá giáo dục là đánh giá CTĐT, vì theo tác giả, việc đánh giá như vậy bao gồm cả đánh giá cơ sở vật chất, quản trị và giám sát... Đây là khái niệm sẽ được sử dụng trong bài viết. Oliver (1965, p.306) liệt kê 5 lĩnh vực cần đánh giá: chương trình, sự chuẩn bị, thủ tục, sản phẩm, và quá trình. Đánh giá chương trình giúp xác định cái gì cần được cải tiến và cung cấp cơ sở cho việc cải tiến.

Tùy theo cách tiếp cận trong thiết kế CTĐT, có thể có nhiều cách quan niệm về CTĐT, tuy nhiên mọi hoạt động đánh giá phải được căn cứ trên mục tiêu của CTĐT và phải trả lời được hai câu hỏi sau:

- CTĐT có đạt mục tiêu đã xác định của nó hay không? (kiến thức, kỹ năng, thái độ)
- Làm thế nào để cải tiến CTĐT?

2.3. Các bên liên quan tham gia cung cấp thông tin đánh giá CTĐT

Nỗ lực đánh giá CTĐT là nỗ lực của một tập thể. Sự tham gia của nhiều bên có liên quan trong quá trình đánh giá CTĐT là cần thiết và diễn ra ở tất cả các giai đoạn đánh giá từ lập kế hoạch đánh giá, lựa chọn công cụ và mô hình đánh giá đến việc thực hiện các bước trong quá trình đánh giá.

Các bên có liên quan có thể tham gia vào quá trình này bao gồm: giáo viên/giảng viên (GV/GiV), người quản lý, cán bộ chuyên trách đánh giá, SV, và thậm chí cha mẹ SV cần hợp tác trong hoạt động đánh giá chương trình của một cơ sở đào tạo để xác định nội dung cần đánh giá trong CTĐT. Họ cùng hợp tác để thu thập thông tin dữ liệu phục vụ cho đánh giá. Chính vì vậy, họ là những người cùng thảo luận để đưa ra các kết luận đánh giá cho toàn bộ CTĐT.

Taba (1962) chỉ ra rằng: sở dĩ cần có sự đánh giá tập thể đối với một CTĐT vì chỉ nỗ lực tập thể mới cho phép tất cả những người có liên quan vẽ nên bức tranh toàn cảnh về CTĐT. Ví dụ, GV/GiV làm việc với nhau để cung cấp bằng chứng về hiệu quả của CTĐT đối với các loại SV khác nhau. Nếu họ làm việc đơn độc, họ chỉ có thể nói về SV của họ, còn nếu họ hợp tác với nhau, họ có thể cung cấp thông tin về hiệu quả CTĐT đối với các loại SV khác nhau.

• *Người học*

Người học là đối tượng đặc biệt trong đánh giá CTĐT. Họ vừa là đối tượng có tư cách là người học chủ động và đồng thời thụ hưởng kết quả hoạt động hay triển khai một CTĐT mà họ tham gia. Chính vì vậy, người học là người có trách nhiệm tham gia đánh giá không chỉ quá trình học tập của bản thân, mà còn đánh giá cả CTĐT. Người học hợp tác với GV/GiV trên lớp, với bộ phận phụ trách đánh giá CTĐT để xác định giá trị và hiệu quả của từng cấu phần trong CTĐT. Hơn ai hết họ là nhóm đối tượng cần tham gia vào quá trình đánh giá chương trình và đánh giá việc học tập của bản thân. Lợi ích của việc tham gia đánh giá CTĐT là ý thức của người học được nâng lên, cảm giác là một phần của các hoạt động trải nghiệm toàn bộ CTĐT, cảm nhận tiếng nói của họ được lắng nghe và họ có thể tự tin

hơn trong việc lựa chọn ngành học, tương lai vừa được xã hội thừa nhận, vừa có ý nghĩa với bản thân.

- **Đội ngũ giảng dạy**

Có thể nói, GV/GiV là nhóm đối tượng đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình đánh giá CTĐT. Họ là người trực tiếp qua sát, ghi chép và ghi nhận kết quả học tập của SV trong các giai đoạn khác nhau, với những học phần khác nhau của CTĐT. Họ có thể là người có khả năng so sánh kết quả học tập của lớp này với các lớp khác, của khóa này với khóa khác. Hay nói cách khác, họ chịu trách nhiệm chính thu thập thông tin, đánh giá sinh viên và CTĐT.

- **Chuyên viên phụ trách đánh giá**

Đánh giá CTĐT là một hoạt động hợp tác của nhiều bên có liên quan. Tuy nhiên cũng nên có một hay nhiều người phụ trách chính toàn bộ hoạt động đánh giá - đó là chuyên viên đánh giá chuyên trách. Chuyên viên này nên là biên chế cơ hữu của bộ phận phát triển CTĐT của trường. Với việc sắp xếp nhân sự phụ trách nhiệm vụ đánh giá CTĐT sẽ có lợi cho trường vì họ là người biết hệ thống tổ chức, mục tiêu của trường, các kết luận đánh giá dễ được chấp nhận hơn, giá thành rẻ hơn là thuê khoán đánh giá từ bên ngoài. Tuy nhiên, người đánh giá bên trong cũng có những hạn chế nhất định. Vì là nhân viên cơ hữu, họ có khuynh hướng nói giảm, nói tránh trong các báo cáo đánh giá CTĐT. Dù sao họ cũng là nhóm đối tượng rất có ý nghĩa khi thực hiện đánh giá CTĐT.

2.4. Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam

Ở Việt Nam, kiểm định chất lượng cấp trường được Bộ GD&ĐT yêu cầu các trường đại học triển khai từ năm 2007 còn kiểm định chất lượng cấp CTĐT mới được đưa vào triển khai từ tháng 03/2016 thông qua việc ban hành Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của các trình độ đại học (Ministry of Education and Training, 2015). Theo công văn hướng dẫn số 769/QLCL-KĐCLGD về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ngày 20/04/2018 của Bộ GD&ĐT thì trong hầu hết các tiêu chí của các tiêu chuẩn cốt lõi về nội dung CTĐT gồm các tiêu chuẩn từ 1 đến 5 (các tiêu chuẩn về: mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, bản mô tả CTĐT, cấu trúc và nội dung chương trình, phương pháp tiếp cận dạy và học đánh giá kết quả học tập) đều yêu cầu minh chứng về việc lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó có người học về các thành phần của CTĐT (Education Quality Management Agency, Ministry of Education and Training, 2018).

Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 quy định 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí về đánh giá CTĐT như sau:

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT

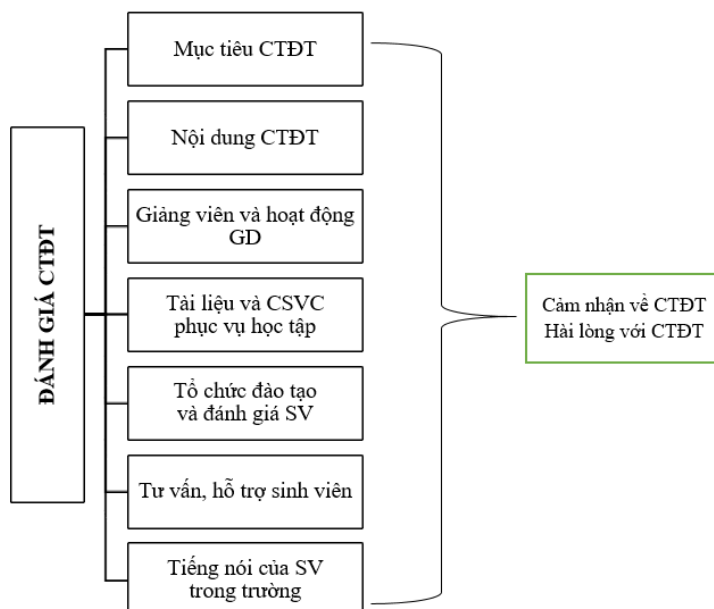
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học
- Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên
- Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên
- Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học
- Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị
- Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng
- Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra. (Ministry of Education and Training, 2015)

2.5. Mô hình đánh giá CTĐT từ quan điểm của SV

Từ cơ sở lí luận và các nghiên cứu về đánh giá CTĐT, bài viết xác định một số yếu tố đánh giá CTĐT theo quan điểm của SV năm cuối - đánh giá tổng kết thông qua khảo sát (định lượng). Đây là cách đánh giá gián tiếp, là nguồn dữ liệu tham khảo để điều chỉnh CTĐT. Nghiên cứu chỉ chọn khảo sát những nhóm yếu tố mà SV có thể phản hồi trong số 11 tiêu chí theo quy định của Thông tư 04 về đánh giá CTĐT.



Hình 1. Mô hình đánh giá CTĐT theo quan điểm của SV

2.6. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc để tìm hiểu ý kiến của SV về chất lượng CTĐT. Tuy nhiên trong giới hạn của bài báo, nhóm nghiên cứu chỉ tập trung phân tích kết quả nghiên cứu từ bảng hỏi. Bốn khoa được chọn theo nguyên tắc lựa chọn mẫu có mục đích nhằm phục vụ công tác ĐBCL của Trường, gồm: Vật lí, Hóa học, Giáo dục Tiểu học và Tâm lí học (xem Bảng 1).

Bảng 1. Đối tượng tham gia khảo sát

	Ngành học				Tổng	
	Sư phạm (SP) Vật lí	SP Hóa học	Giáo dục (GD) Tiểu học	Cử nhân (CN) Tâm lí học		
	Nam	21	6	17		17
Giới tính	Nữ	39	99	38	38	194
	Khác	1	1	0	0	2
Tổng	61	32	106	55	254	

Cấu trúc của bảng hỏi gồm 3 phần: thông tin chung về đối tượng khảo sát; đánh giá của SV về CTĐT (CTĐT) và các ý kiến khác. Trong các câu hỏi thuộc phần 2, các thang đo mức độ được sử dụng gồm từ 1 đến 5 với mức 1 là: Hoàn toàn không đồng ý và mức 5 là: Rất đồng ý. Các mức này được diễn giải như sau:

Điểm trung bình	Ý kiến đánh giá
1,00 – 1,80	Hoàn toàn không đồng ý
1,81 – 2,60	Không đồng ý
2,61 – 3,40	Lưỡng lự
3,41 – 4,20	Đồng ý
4,21 – 5,00	Rất đồng ý

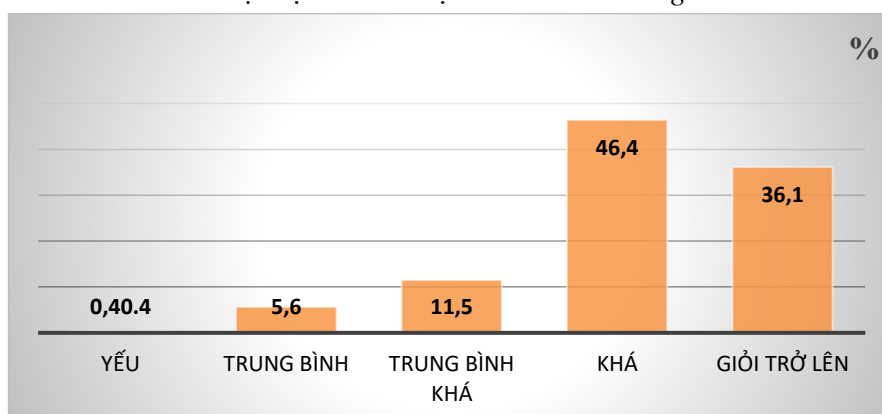
Bảng hỏi được phát cho các đối tượng là SV năm cuối tại 4 khoa thuộc Trường ĐHSP TPHCM để tìm hiểu đánh giá của SV về chất lượng CTĐT tại các khoa này của Trường. Kết quả khảo sát được trình bày ở phần tiếp theo.

2.7. Kết quả nghiên cứu

2.7.1. Thông tin chung về đối tượng tham gia khảo sát

Học lực của SV tham gia khảo sát (xem Biểu đồ 1):

Biểu đồ 1. Học lực của SV tại thời điểm tham gia khảo sát



Đa số SV tham gia khảo sát có học lực khá (46,45%) và giỏi trở lên (36,1%). Chỉ có 0,4% có học lực yếu, 5,6% học lực trung bình.

Trong phần tiếp theo, nhóm nghiên cứu sẽ trình bày kết quả khảo sát SV về mục tiêu, nội dung CTĐT, giảng viên và hoạt động giảng dạy, tổ chức đào tạo và đánh giá SV, tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập, tư vấn, hỗ trợ SV, tiếng nói của SV trong trường, cảm nhận về kết quả đạt được từ CTĐT.

2.7.2. Đánh giá của SV về chất lượng của CTĐT

- **Đánh giá của SV về mục tiêu của CTĐT** (xem Bảng 2)

Bảng 2. Đánh giá của SV về mục tiêu CTĐT

Mục tiêu của CTĐT	N	ĐTB (mean)	Độ lệch chuẩn	Ý kiến
CTĐT (ngành đào tạo) có mục tiêu rõ ràng	254	4,14	0,830	Đồng ý
Nội dung CTĐT phản ánh các mục tiêu của chương trình	254	3,96	0,861	Đồng ý
Điểm trung bình chung		4,05	0,78809	Đồng ý

Theo đánh giá của SV, các CTĐT họ theo học có mục tiêu rõ ràng (4,14) và nội dung CTĐT phản ánh các mục tiêu của chương trình (3,96).

- **Đánh giá của SV về nội dung CTĐT** (xem Bảng 3)

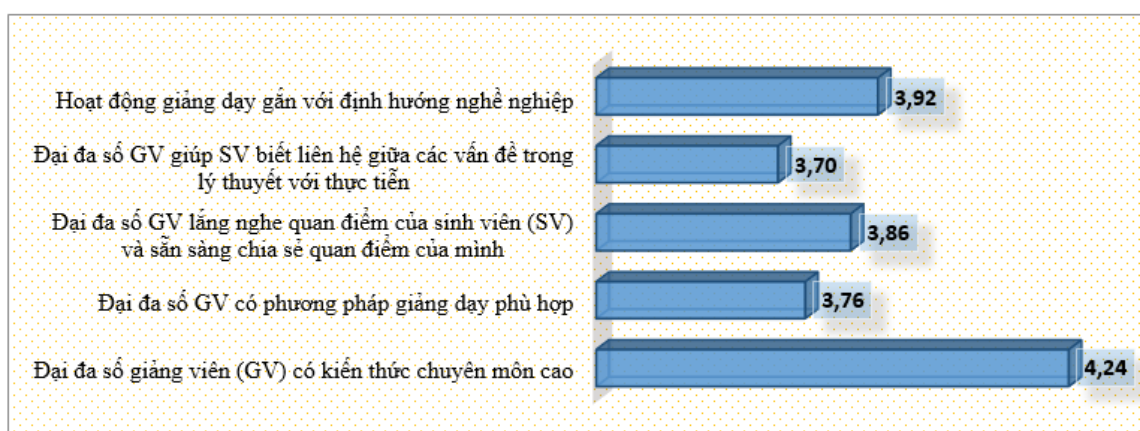
Bảng 3. Đánh giá của SV về nội dung CTĐT

Nội dung CTĐT (CTĐT)	N	ĐTB (mean)	Độ lệch chuẩn	Ý kiến
Khối lượng môn học đại cương (cơ bản) hợp lí	254	3,72	0,895	Đồng ý
Khối lượng môn học chuyên ngành hợp lí	254	3,83	0,932	Đồng ý
Các môn học có sự gắn kết với nhau	254	4,02	0,919	Đồng ý
Có sự phân bổ tỉ lệ lí thuyết và thực hành hợp lí	254	3,46	1,002	Đồng ý
Bao gồm những môn học cung cấp kĩ năng cơ bản và kĩ năng nghề nghiệp	254	3,80	0,900	Đồng ý
Điểm trung bình chung		3,77	0,71987	Đồng ý

5 câu hỏi về nội dung CTĐT đều được SV đánh giá ở mức cao (đồng ý). Trong số 5 câu hỏi về nội dung CTĐT, SV đánh giá cao nhất sự gắn kết của các môn học (4,02), khối lượng môn học chuyên ngành hợp lí (3,83), đánh giá thấp nhất về sự phân bổ hợp lí giữa lí thuyết và thực hành.

- **Đánh giá của SV về GV và hoạt động giảng dạy** (xem Biểu đồ 2)

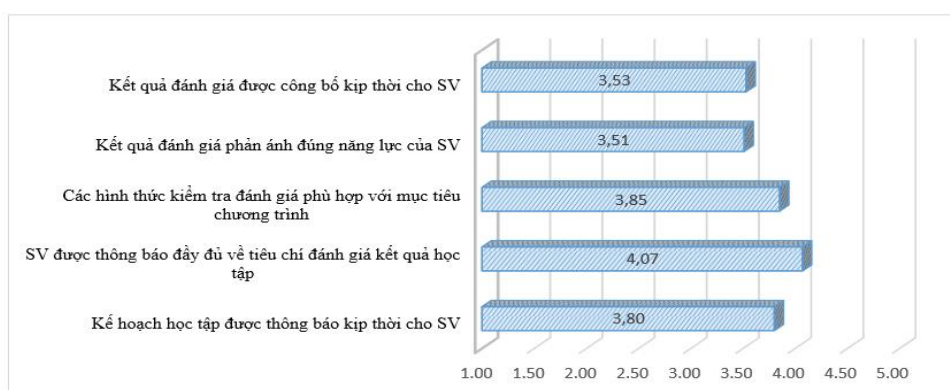
Biểu đồ 2. Đánh giá của SV về GV và hoạt động dạy



SV đánh giá cao nhất về kiến thức chuyên môn của GV (4,34) ở mức rất đồng ý. Bốn nội dung còn lại về GV và hoạt động GV đều được đánh giá ở mức cao (đồng ý). SV đánh giá thấp nhất nội dung “Đại đa số GV giúp SV biết liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn” (3,70).

- **Đánh giá của SV về tổ chức đào tạo và kiểm tra đánh giá** (xem Biểu đồ 3)

Biểu đồ 3. Đánh giá của SV về tổ chức đào tạo và kiểm tra đánh giá



Tất cả các nội dung hỏi về công tác tổ chức đào tạo và kiểm tra đánh giá đều được SV đánh giá ở mức cao (3,51 – 4,07). Trong số đó, SV đánh giá cao nhất về việc GV thông báo đầy đủ các tiêu chí đánh giá kết quả học tập (4,07) và thấp nhất là “kết quả học tập phản ánh đúng năng lực SV” (3,51).

- **Đánh giá của SV về tài liệu và CSVC phục vụ học tập** (xem Bảng 4)

Bảng 4. Đánh giá của SV về tài liệu và CSVC phục vụ học tập

Tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập	N	ĐTB (mean)	Độ lệch chuẩn	Ý kiến
Thư viện trường có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học	254	3,70	2,093	Đồng ý
Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học	254	3,43	1,060	Đồng ý
Trường có đủ trang thiết bị cần thiết phục vụ học tập và nghiên cứu của SV	254	3,45	0,988	Đồng ý
Môi trường, cảnh quan của trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của SV	254	3,70	0,963	Đồng ý
Điểm trung bình chung	254	3,56	0,71233	Đồng ý

Về tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập, SV đánh giá cao nhất các nội dung sau: Thư viện trường có đủ tài liệu tham khảo cho hầu hết các môn học (3,70); môi trường, cảnh quan của trường tạo thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của SV (3,70). SV đánh giá thấp nhất về “Phòng học đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ rộng, phù hợp với sĩ số lớp học” (3,43).

Trong các nội dung hỏi về tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập, câu hỏi về thư viện có độ lệch chuẩn khá cao (2,093) thể hiện sự chênh lệch trong đánh giá của SV về tài liệu tham khảo trong thư viện.

• **Đánh giá của SV về việc tư vấn, hỗ trợ SV** (xem Bảng 5)

Bảng 5. Đánh giá của SV về việc tư vấn, hỗ trợ SV

Tư vấn, hỗ trợ SV	N	ĐTB (mean)	Độ lệch chuẩn	Ý kiến
Tư vấn, hỗ trợ SV	254	3,39	0,943	Lưỡng lự
Cố vấn học tập (giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập	254	3,39	1,111	Lưỡng lự
Khoa quan tâm tư vấn hỗ trợ SV trong quá trình học tập	254	3,65	0,998	Đồng ý
Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hòa nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của SV	254	3,22	1,022	Lưỡng lự
Các quy định về chế độ, chính sách đối với SV được trường quan tâm giải quyết kịp thời	254	3,53	0,889	Đồng ý
Trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hoá, văn nghệ của SV	254	3,88	0,845	Đồng ý
Trường đáp ứng tốt nhu cầu về thể dục, thể thao của SV	254	3,74	0,916	Đồng ý
Trường đáp ứng tốt nhu cầu nội trú của SV	254	3,63	0,993	Đồng ý
Các hoạt động Đoàn – Hội trong trường thiết thực, có tác dụng tốt đối với SV	254	3,55	1,019	Đồng ý
Điểm trung bình chung		3,55	0,72	Đồng ý

Trong 9 nội dung hỏi liên quan đến tư vấn và hỗ trợ SV, SV đánh giá 6 nội dung ở mức cao và 3 nội dung ở mức trung bình (lưỡng lự); trong đó, cao nhất là những nội dung sau:

- Trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ của SV (3,88)
- Trường đáp ứng tốt nhu cầu về thể dục, thể thao của SV (3,74)
- Những nội dung SV đánh giá thấp nhất bao gồm:
 - Cán bộ, nhân viên văn phòng có thái độ hoà nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các yêu cầu chính đáng của SV (3,22)
 - Cố vấn học tập (giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập (3,39)
- **Đánh giá của SV về tiếng nói của SV trong trường** (xem Bảng 6)

Bảng 6. Đánh giá của SV về tiếng nói của SV trong trường

Tiếng nói của SV trong trường	N	ĐTB (mean)	Độ lệch chuẩn	Ý kiến
SV có thể đánh giá/đóng góp ý kiến cho GV trong hoạt động giảng dạy/hướng dẫn	254	3,92	0,916	Đồng ý
SV có thể đánh giá/góp ý kiến cho đội ngũ cán bộ quản lí Trường và các đơn vị	254	3,28	1,061	Lưỡng lự
SV có thể đánh giá/đóng góp ý kiến cho đội ngũ nhân viên/chuyên viên của các đơn vị	254	3,22	1,072	Lưỡng lự
SV được xem trọng trong trường	254	3,42	0,978	Đồng ý
Điểm trung bình chung		3,46	0,83928	Đồng ý

Tương tự như mức đánh giá về hoạt động tư vấn và hỗ trợ SV, SV đánh giá hai nội dung ở mức cao và lưỡng lự (chưa đồng ý) với hai nội dung. Trong số đó, nội dung SV đồng ý cao nhất là “SV có thể đánh giá/đóng góp ý kiến cho GV trong hoạt động giảng dạy/hướng dẫn” (3,92) và thấp nhất là “SV có thể đánh giá/đóng góp ý kiến cho đội ngũ nhân viên/chuyên viên của các đơn vị” (3,22).

- **Cảm nhận của SV về kết quả đạt được từ CTĐT** (xem Bảng 7)

Bảng 7. Cảm nhận của SV về kết quả đạt được từ CTĐT

Cảm nhận về kết quả đạt được từ CTĐT	N	ĐTB (mean)	Độ lệch chuẩn	Ý kiến
CTĐT cung cấp cho anh/chị những kiến thức cần thiết	254	3,99	0,836	Đồng ý
CTĐT giúp anh/chị có được những kĩ năng nghề nghiệp	254	3,83	0,885	Đồng ý
CTĐT giúp anh/chị nâng cao kĩ năng:	254			
- Tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu	254	3,88	0,892	Đồng ý
- Giao tiếp	254	4,02	0,900	Đồng ý
- Làm việc nhóm	254	3,44	3,281	Đồng ý
CTĐT giúp anh/chị nâng cao trình độ, khả năng sử dụng ngoại ngữ	254	3,97	0,940	Đồng ý
CTĐT giúp anh/chị phát triển phẩm chất người học cần có (đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỉ luật...)	254	3,59	0,976	Đồng ý
Anh/chị tự tin về triển vọng nghề nghiệp của mình sau khi ra trường	254	3,72	0,858	Đồng ý
Điểm trung bình chung		3,81		Đồng ý

Kết quả khảo sát SV về kết quả đạt được từ CTĐT cho thấy đa số các nội dung đều được SV đánh giá cao (mức đồng ý với các nhận định). Trong số đó, SV đánh giá cao nhất các kết quả về kĩ năng giao tiếp, kiến thức, tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu:

- CTĐT giúp anh/chị nâng cao kĩ năng giao tiếp (4,02)
- CTĐT cung cấp cho anh/chị những kiến thức cần thiết (3,99)
- CTĐT giúp anh/chị nâng cao tư duy sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu (3,88)

Và thấp nhất là những vấn đề liên quan đến kĩ năng làm việc nhóm (3,44), và phát triển phẩm chất người học cần có (đạo đức, nhân cách, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỉ luật...) (3,59).

- **Hài lòng chung về CTĐT** (xem Bảng 8)

Bảng 8. Mức độ hài lòng về chất lượng CTĐT

	Tần số	Tỉ lệ %	Tỉ lệ % SV trả lời	Tỉ lệ % tích lũy
Hoàn toàn không đồng ý	7	2,8	2,8	2,8
Không đồng ý	8	3,1	3,2	59
Mức độ đồng ý	73	28,7	28,9	34,8
Đồng ý	127	50	50,2	85
Rất đồng ý	38	15	15	100
Tổng	253	99,6	100	
Không trả lời	1	0,4		
Tổng	254	100		

Có thể thấy đa số SV hài lòng về chất lượng CTĐT (65,2%), 28,9% SV hài lòng ở mức trung bình, và 6% không hài lòng. Trong số tám nội dung chính SV đánh giá về CTĐT, kết quả theo nhóm như Bảng 9 sau đây:

Bảng 9. Nội dung khảo sát SV về chất lượng CTĐT

STT	Nhóm nội dung khảo sát	ĐTB
1	Mục tiêu	4,05
2	Giảng viên và hoạt động giảng dạy	3,92
3	Cảm nhận về kết quả đạt được từ CTĐT	3,81
4	Nội dung CTĐT	3,77
5	Tổ chức đào tạo và đánh giá SV	3,75
6	Tài liệu và cơ sở vật chất phục vụ học tập	3,57
7	Tư vấn, hỗ trợ SV	3,55
8	Tiếng nói của SV trong trường	3,46

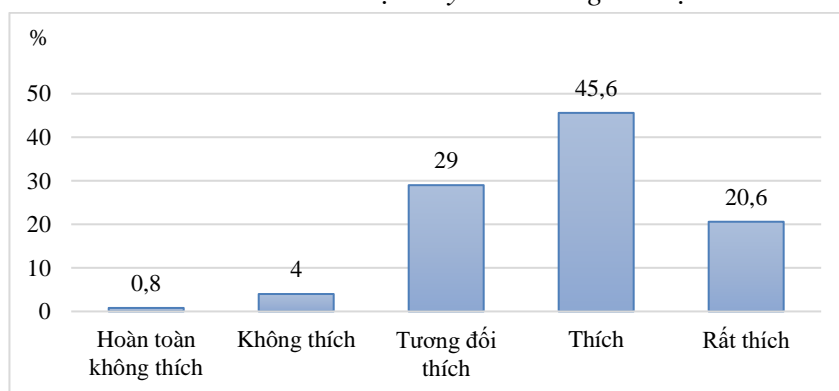
Trong số các nhóm nội dung khảo sát SV về CTĐT, SV đánh giá cao nhất về tính rõ ràng về mục tiêu của CTĐT (4,05), GV và hoạt động giảng dạy (3,92), Họ đánh giá thấp nhất về tiếng nói của SV trong trường (3,46), các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV (3,55).

Phần tiếp theo của bài báo sẽ trình bày các ý kiến đánh giá chung của SV về mức độ yêu thích ngành học, cảm nhận về quyết định chọn học tại Trường và cảm nhận về sự gắn bó với Trường.

• **Mức độ yêu thích ngành học** (xem Biểu đồ 4)

Ngoài ra, khảo sát còn hỏi SV về mức độ yêu thích ngành học của họ cho đến thời điểm sau học kì 1, năm học cuối.

Biểu đồ 4. Mức độ SV yêu thích ngành học



Như vậy có thể thấy, ngoài (66,2%) cho rằng SV thích và rất thích (45,6% + 20,6%) ngành họ đang học thì vẫn còn khoảng 29% chỉ thể hiện là họ tương đối thích ngành học. Đặc biệt có 4,8% SV không thích và hoàn toàn không thích ngành họ sắp tốt nghiệp.

• **Quyết định chọn học ở trường** (xem Bảng 10)

Đối với câu hỏi “Nếu được chọn lại, Anh/Chị vẫn quyết định học ở trường”, kết quả khảo sát như Bảng 10 sau đây:

Bảng 10. Quyết định học ở trường

		Tần số	Tỉ lệ %	Tỉ lệ % SV trả lời	Tỉ lệ % tích lũy
Mức đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	8	3,1	3,2	3,2
	Không đồng ý	15	5,9	6,0	9,2
	Tương đối đồng ý	53	20,9	21,1	30,3
	Đồng ý	111	43,7	44,2	74,5
	Rất đồng ý	64	25,2	25,5	100
	Tổng	251	98,8	100	
	Không trả lời	3	1,2		
Tổng		254	100		

Kết quả tương tự về mức độ yêu thích ngành học, 69,7% SV vẫn chọn học lại (đồng ý và rất đồng ý) và 23 SV (9,3%) sẽ không chọn học ở trường.

- **Cảm nhận là một phần của Trường** (xem Bảng 11)

Bảng 11. Đánh giá của SV về sự gắn bó của họ với Trường

		Tần số	Tỉ lệ %	Tỉ lệ % SV trả lời	Tỉ lệ % tích lũy
Mức đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	8	3,1	3,2	3,2
	Không đồng ý	12	4,7	4,8	7,9
	Tương đối đồng ý	89	35,0	35,3	43,3
	Đồng ý	115	45,3	45,6	88,9
	Rất đồng ý	28	11,0	11,1	100
	• Tổng	252	99,2	100	
Không trả lời		2	0,8		
Tổng		254	100		

Kết quả khảo sát cho thấy 56,3% SV cảm nhận họ gắn bó với Trường, 35% cảm nhận một phần thuộc về Trường và 7,8% không có cảm nhận sự gắn kết với Trường sau bốn năm theo học.

2.8. Thảo luận

Kết quả khảo sát SV năm cuối của 4 CTĐT (Sư phạm Hóa học, Vật lí, Giáo dục Tiểu học và Tâm lí học) về chất lượng CTĐT tại Trường ĐHSP TPHCM sẽ giúp Trường có thêm kênh thông tin tham khảo khi rà soát và điều chỉnh CTĐT cũng như các hoạt động hỗ trợ CTĐT ở hai khía cạnh: điểm mạnh và điểm cần cải tiến.

- **Điểm mạnh**

Kết quả khảo sát cho thấy SV của 4 CTĐT đánh giá cao một số điểm mạnh của Trường, cụ thể:

- Chất lượng đội ngũ GV;
- Tài liệu trong thư viện Trường đầy đủ;

- Cảnh quan, môi trường của Trường;
- Trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ của SV;
- Về CTĐT: trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở mức độ nhất định giúp SV tự tin về nghề nghiệp sau khi ra trường.

- *Những điểm cần cải tiến*

Theo quan điểm của SV, tiếng nói của SV trong trường và các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV cần được cải tiến. Có thể SV mong muốn được đánh giá/đóng góp ý kiến cho đội ngũ nhân viên/chuyên viên của các đơn vị và cho đội ngũ cán bộ quản lý Trường và các đơn vị. Dựa trên kết quả khảo sát này, Nhà trường nên khảo sát ý kiến của SV về chất lượng các dịch vụ và sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên/chuyên viên, đội ngũ cán bộ quản lý Trường và các đơn vị làm cơ sở cho các kế hoạch cải tiến chất lượng phục vụ và hỗ trợ của đội ngũ này. Kết quả này ở mức độ nhất định cho thấy sự tương thích với các nhận định của SV về chất lượng công tác tư vấn và hỗ trợ SV. Bên cạnh đó, chất lượng và hiệu quả của công tác cố vấn học tập cũng cần được Trường rà soát và đánh giá.

Về nội dung CTĐT, kết quả khảo sát cho thấy SV đánh giá thấp nhất về sự phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành. Đây là điểm các khoa chuyên môn có thể cân nhắc khi rà soát và điều chỉnh CTĐT. Cũng liên quan đến tính kết nối giữa lý thuyết và thực hành, kết quả khảo sát cho thấy một điểm Trường có thể cân nhắc khi lên kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng chương trình, đó là năng lực của GV giúp SV biết liên hệ giữa các vấn đề trong lý thuyết với thực tiễn. Về 3 khía cạnh trong nội dung CTĐT: kiến thức, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng mềm cũng như phẩm chất đạo đức của SV, kỹ năng làm việc nhóm và phẩm chất đạo đức của người học nên được xem xét cân nhắc cải tiến trong quá trình điều chỉnh CTĐT.

Một điểm Trường cần cải tiến là hoạt động kiểm tra đánh giá SV, SV chưa cho rằng kết quả học tập phản ánh đúng năng lực SV. Đây là một trong ba khía cạnh chính của hoạt động dạy và học giúp xác định chất lượng CTĐT theo cách tiếp cận chuẩn đầu ra, trong đó yêu cầu các hoạt động kiểm tra đánh giá cần có độ tin cậy, độ giá trị để giúp đánh giá đúng năng lực của SV.

Về CSVC và thư viện, Trường có thể cân nhắc đánh giá về chất lượng phòng học và trang bị thêm các trang thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu của SV.

3. Kết luận

Các kết quả phân tích được trình bày trong bài viết thể hiện ý kiến đánh giá của SV (một trong những đối tượng có liên quan trong quá trình đánh giá như đã trình bày trong phần cơ sở lý luận) tại 4 khoa thuộc Trường ĐHSP TPHCM về CTĐT tại Trường từ mục tiêu chương trình, đội ngũ thực hiện chương trình (GV và đội ngũ hỗ trợ) cũng như các điều kiện khác về CSVC như thư viện, môi trường cảnh quan và kết quả của CTĐT. Từ kết quả đánh giá của SV có thể thấy nổi bật một số điểm mạnh của Trường, bao gồm chất lượng đội ngũ GV, tài liệu trong thư viện, cảnh quan, môi trường, khả năng đáp ứng tốt nhu cầu văn

hóa, văn nghệ của SV. CTĐT trang bị cho SV đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ở mức độ nhất định giúp SV tự tin về nghề nghiệp sau khi ra trường. Những điểm tồn tại bao gồm chất lượng đội ngũ phục vụ và công tác cố vấn học tập. Về CTĐT, SV chưa đánh giá cao sự phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành cũng như hoạt động kiểm tra đánh giá trong CTĐT.

Các kết quả thu được từ khảo sát một lần nữa khẳng định vai trò quan trọng của SV trong quá trình đánh giá CTĐT, họ là người có trách nhiệm cung cấp phản hồi cho Trường để cải tiến CTĐT. Những ý kiến đánh giá của SV nên được Trường và các khoa chuyên môn xem xét trên cơ sở là một kênh thông tin, kết hợp với các kênh thông tin khác nhằm đưa ra các nhóm giải pháp phù hợp với điều kiện và chiến lược phát triển của Trường. Đánh giá của SV cũng có thể là cơ sở để Trường thực hiện các nghiên cứu sâu hơn nhằm đảm bảo tính khoa học và khách quan cho các quyết định mang tính chiến lược của Trường. Có thể Trường cần xem xét nghiên cứu về hiệu quả của các hoạt động cố vấn học tập, hiệu quả của các hoạt động và đội ngũ hỗ trợ CTĐT (nhân viên các phòng/ban), nghiên cứu hay tập huấn cho GV về kiểm tra đánh giá, thay đổi phương pháp dạy theo hướng trải nghiệm nhằm giúp kết nối lý thuyết và thực hành. Ngoài ra, nghiên cứu này chỉ mới thực hiện khảo sát SV của 4 CTĐT. Nhà trường có thể ban hành quy định mở rộng phạm vi khảo sát SV toàn trường làm cơ sở đối sánh chất lượng của các CTĐT của Trường.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Education Quality Management Agency, Ministry of Education and Training (2018). *Cong van huong dan so 769/QLCL-KĐCLGD v/v su dung tai lieu huong dan danh gia chat luong CTDT cac trinh do cua GDDH* [Guideline No. 769/QLCL-KĐCLGD on using the guideline for assessing study programmes in higher education]. Hanoi.
- Ministry of Education and Training (2015). *Thong tu 04/2016/TT-BGDĐT ngay 14 thang 3 nam 2016 ve tieu chuan danh gia chat luong CTDT cac trinh do cua giao duc dai hoc* [Circular No. 04/2016/TT-BGDĐT dated 14 March 2016 promulgating quality standards for programme accreditation]. Hanoi.
- Nguyen, D. C. & Vu, L. H. (2015). *Phat trien chuong trinh giao duc* [Curriculum development]. Hochiminh City: Vietnam Education Publisher.
- Oliva, F. P. (2002). *Developing the curriculum* (5th ed.). New York: Pearson Allyn & Bacon.
- Ornstein, A. C., & Hunkins, F. P. (1998). *Curriculum: Foundations, principles, and issues* (3rd ed.). Needham Heights, MA: Allyn & Bacon.
- Taba, H. (1962). *Curriculum development: Theory and practice*. New York: Harcourt, Brace, & World.

**STUDENTS' EVALUATION ON THE STUDY PROGRAMMES
AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION**

Pham Thi Huong^{1*}, Nguyen Thi Phu Quy¹, Pham Hong Chuong²

¹Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

²Quang Nam College of Economics and Technology, Vietnam

**Corresponding author: Pham Thi Huong – Email: huong.pham@ier.edu.vn*

Received: January 07, 2020; Revised: March 11, 2020; Accepted: May 23, 2021

ABSTRACT

Surveying students on study programmes has become a regular activity of universities in order to collect feedback from various stakeholder groups to improve the quality of academic programmes. The paper presents the results from a senior students survey at four departments at Ho Chi Minh City University of Education on eight aspects related to the study programmes. The results show that students evaluated high on the quality of teaching staff, learning materials for the programmes, the institution's environmental landscape, and students' gained knowledge and professional skills. Identified key areas for improvement are counselling activities, student support services, the balance between theory and practice in the programmes, the reliability and validity of student assessment, and teaching and learning facilities. Based on the survey results, recommendations are offered for the University and the departments to improve the quality of the investigated programmes.

Keywords: quality assurance; quality enhancement; programme evaluation; study programme; senior students